THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng lên ngưỡng 1,732 ngay từ lúc mới mở cửa; sau đó giằng co tại đây trước khi chịu áp lực bán trong phiên chiều và lùi xuống đóng cửa tại mốc 1,710.29 điểm, tăng hơn 17 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Hàng & dịch vụ công nghiệp,... Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí giảm mạnh gần 6%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn. Biên độ dao động lớn cùng thanh khoản tiếp tục sụt giảm cho thấy tâm lý thị trường chưa có sự đồng thuận; nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo chiều vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 17/03/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index +17.08 điểm, đóng cửa tại 1710.29 điểm. HNX-Index +1.12 điểm, đóng cửa tại 246.86 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: VCB (+3.08), MCH (+3.03), VIC (+2.48), TCX (+1.82), VHM (+1.77).
• Kéo chỉ số giảm: BSR (-2.21), GAS (-0.75), DGC (-0.38), DCM (-0.32), DPM (-0.29).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 20,941 tỷ đồng, tăng 2.74% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,464 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 23.48 điểm. Thị trường có 179 mã tăng, 54 mã tham chiếu, 147 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -669.52 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIC (-989.06 tỷ), BID (-102.23 tỷ), FPT (-97.11 tỷ), VHM (-56.73 tỷ), VNM (-47.82 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -10.02 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 -0.12%. Các mã diễn biến tích cực:
VCB (+2.89%) *(Link báo cáo)*
MWG (+2.61%) *(Link báo cáo)*
MSN (+2.59%) *(Link báo cáo)*
• BSC50 -0.04%. Các mã diễn biến tích cực:
BVH (+5.14%) *(Link báo cáo)*
GEX (+4.80%) *(Link báo cáo)*
LPB (+3.21%) *(Link báo cáo)*

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.12%	-0.04%	1.01%	1.11%
1 tuần	0.49%	2.72%	2.00%	2.00%
1 tháng	-5.57%	-4.90%	-6.24%	-7.18%
3 tháng	3.45%	2.94%	2.19%	-1.28%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,710.29	246.86	125.51
% 1D	1.01%	0.46%	0.38%
GTKL (tỷ VND)	20,941	1,237	651
%1D	2.74%	-21.64%	-25.80%
GDNN (tỷ VND)	-669.52	-10.02	-10.38

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCK	287.57	VIC	-989.06
MCH	215.21	BID	-102.23
MSN	130.29	FPT	-97.11
VCB	77.39	VHM	-56.73
PVD	75.49	VNM	-47.82

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,699	1.01%	-1.42%
FTSE100	10,356	0.37%	-0.54%
Eurostoxx	5,739	-0.35%	-1.73%
Shanghai	4,050	-0.85%	-1.78%
Nikkei	53,700	-0.09%	-1.25%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	103.82	3.60%
Giá vàng	5,021	0.54%
Tỷ giá		
USD/VND	26,321	
EUR/VND	30,991	0.36%
JPY/VND	169	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	7.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

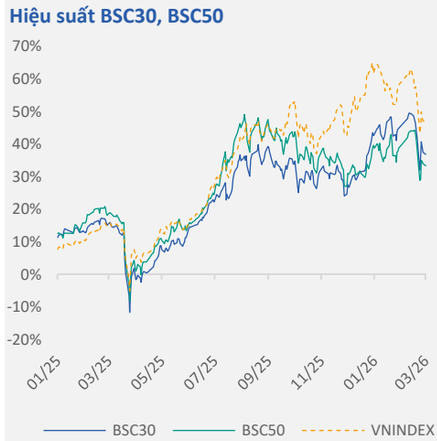

Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	60.50	2.89%	3.08	7.42
MCH	160.20	6.94%	3.03	2.59
VIC	146.20	1.04%	2.48	8.56
TCX	54.20	6.90%	1.82	4.48
VHM	102.00	2.00%	1.77	4.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BSR	30.50	-6.87%	-2.21	17.00
GAS	86.40	-1.71%	-0.75	1.72
DGC	68.80	-6.90%	-0.38	7.75
DCM	41.45	-6.96%	-0.32	11.22
DPM	28.75	-6.96%	-0.29	26.70

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	80.00	2.96%	1.20	0.03
KSV	159.60	3.64%	0.65	0.04
NVB	11.20	1.82%	0.22	0.53
THD	31.30	2.29%	0.15	0.01
BAB	11.20	1.82%	0.11	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	40.00	-4.31%	-0.49	5.43
HUT	16.20	-2.99%	-0.29	1.32
CEO	15.30	-1.92%	-0.09	7.18
DTK	11.30	-1.74%	-0.08	0.01
LAS	17.50	-4.89%	-0.05	2.81

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTT	40.65	6.97%	0.01	0.00
GEE	155.10	6.97%	0.83	6.18
NO1	5.99	6.96%	0.00	0.10
MCH	160.20	6.94%	3.02	2.59
TCO	10.65	6.93%	0.00	0.43

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DCM	41.45	-6.96%	-0.32	11.22
DPM	28.75	-6.96%	-0.29	26.70
HRC	88.40	-6.95%	-0.04	0.00
DGC	68.80	-6.90%	-0.38	7.75
BFC	58.20	-6.88%	-0.05	0.33

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	142.90	9.92%	0.51	0.00
ONE	11.40	9.62%	0.03	0.44
PSI	8.10	9.46%	0.18	0.37
TTH	2.50	8.70%	0.03	0.11
VC2	5.10	8.51%	0.13	0.41

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QTC	28.00	-9.97%	-0.03	0.00
HAT	30.60	-9.73%	-0.04	0.00
TSB	22.50	-9.64%	-0.06	0.02
PIA	24.50	-9.26%	-0.03	0.00
SJ1	12.00	-7.69%	-0.15	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

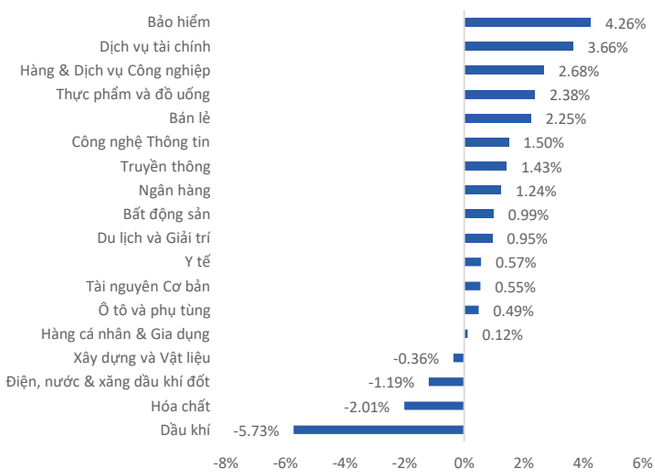

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hình 2
Giao dịch khối ngoại

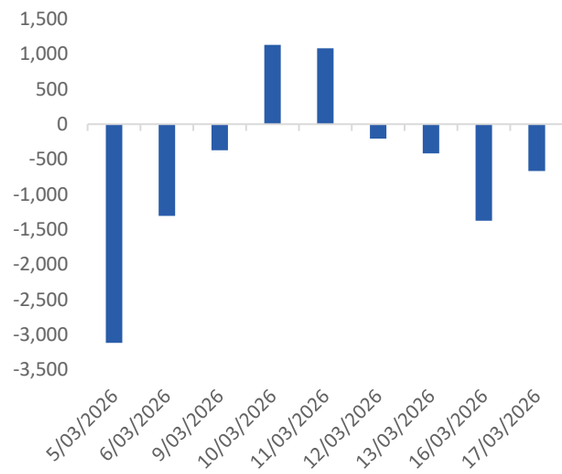

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	82.7	2.6%	1.0	121,439	421.6	4,777	17.3	113,000	48.9%	Link
KBC	Bất động sản	31.2	0.0%	1.4	29,336	63.6	2,500	12.5	46,000	11.0%	Link
KDH	Bất động sản	26.2	0.0%	0.9	29,402	73.3	943	27.8	39,900	29.7%	Link
PDR	Bất động sản	15.3	-2.2%	1.2	15,217	112.9	531	28.7	28,200	6.6%	Link
VHM	Bất động sản	102.0	2.0%	1.5	418,956	451.1	10,008	10.2	119,600	7.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	79.4	1.5%	0.7	135,258	894.1	5,511	14.4	124,400	33.7%	Link
BSR	Dầu khí	30.5	-6.9%	0.0	152,723	528.1	1,036		23,200	2.2%	Link
PVS	Dầu khí	40.0	-4.3%	1.6	20,457	221.0	3,560	11.2	52,300	14.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	21.9	0.5%	1.2	23,597	220.1	1,454	15.0	-	34.0%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	28.7	0.9%	1.2	71,370	851.2	1,989	14.4	-	31.9%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	37.3	0.8%	1.1	31,666	386.8	1,849	20.2	-	18.7%	Link
DCM	Hóa chất	41.5	-7.0%	0.7	21,944	477.1	3,702	11.2	40,200	7.9%	Link
DGC	Hóa chất	68.8	-6.9%	0.5	26,129	554.9	7,965	8.6	109,300	7.9%	Link
ACB	Ngân hàng	23.8	1.3%	0.7	121,996	255.6	3,042	7.8	27,100	27.3%	Link
CTG	Ngân hàng	34.4	0.7%	1.0	267,183	248.8	4,454	7.7	53,500	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	25.7	0.4%	1.2	128,636	454.0	3,432	7.5	32,700	22.9%	Link
MBB	Ngân hàng	26.4	1.0%	0.9	212,249	372.5	3,325	7.9	33,000	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.4	0.9%	0.9	35,412	47.5	1,804	6.3	14,000	29.1%	Link
STB	Ngân hàng	67.6	1.5%	0.7	127,441	758.8	3,150	21.5	-	13.6%	Link
TCB	Ngân hàng	30.3	0.3%	1.1	214,713	572.6	3,577	8.5	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.1	0.6%	1.0	44,662	118.0	2,660	6.1	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	60.5	2.9%	0.8	505,518	444.9	4,210	14.4	75,800	20.5%	Link
VIB	Ngân hàng	17.0	0.0%	0.9	57,868	152.4	2,143	7.9	23,000	4.9%	Link
VPB	Ngân hàng	25.7	0.8%	1.3	203,902	319.2	3,024	8.5	36,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	0.6%	0.8	206,470	662.3	2,013	13.4	32,200	22.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.5	0.7%	1.1	9,004	26.5	1,012	14.3	15,700	3.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	23.6	1.3%	0.8	9,083	51.4	3,915	6.0	28,800	1.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	75.4	2.6%	1.2	109,022	704.1	2,710	27.8	98,300	23.3%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.5	-0.5%	0.6	128,532	244.2	4,503	13.7	78,000	48.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.9	1.86%	1.2	9,709	61.7	2,494	17.6	21.2%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	152.2	1.13%	1.1	25,920	59.1	4,667	32.6	32.5%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	75.7	5.14%	1.1	56,194	41.3	3,996	18.9	27.3%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	13.5	-1.82%	1.1	10,712	97.5	990	13.6	2.6%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	13.8	-1.79%	1.2	15,295	348.0	229	60.2	20.1%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	17.9	-2.72%	1.2	3,566	44.9	2,559	7.0	1.5%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	28.5	-0.52%	1.2	10,525	60.9	1,907	14.9	19.4%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	43.7	0.00%	1.5	16,584	74.4	5,090	8.6	14.1%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	27.8	-0.71%	0.9	13,486	87.3	1,805	15.4	41.2%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	57.6	0.00%	1.1	13,946	7.6	5,601	10.3	2.7%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	29.6	-1.17%	1.2	5,328	13.9	1,917	15.4	4.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	14.5	-2.36%	1.3	13,226	63.2	416	34.9	11.9%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	146.2	1.04%	1.1	1,126,622	1247.4	1,739	84.1	3.4%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	26.5	2.12%	1.4	60,103	137.1	2,837	9.3	11.6%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	30.1	0.50%	1.0	6,999	11.5	1,700	17.7	38.0%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	45.7	-2.25%	0.9	58,003	172.4	2,122	21.5	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	34.7	-6.72%	0.9	19,289	482.7	1,866	18.6	11.8%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	27.6	0.36%	1.0	9,546	15.6	1,161	23.7	24.8%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	24.7	0.00%	1.5	16,482	108.2	1,883	13.1	0.5%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	86.4	-1.71%	1.0	208,479	150.4	4,730	18.3	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	-0.76%	1.1	40,189	379.3	829	15.8	3.2%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.0	-0.63%	0.6	34,124	39.5	4,669	13.5	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	157.0	1.95%	1.0	92,883	193.8	3,728	42.1	6.6%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	34.9	4.80%	1.6	31,494	239.4	1,638	21.3	6.9%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	76.0	2.70%	1.0	32,414	124.2	3,986	19.1	41.3%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.4	0.71%	1.0	10,481	51.2	6,771	8.3	6.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.2	-3.73%	0.8	10,902	209.1	2,210	10.5	12.7%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	89.7	0.79%	0.8	10,924	60.3	3,325	27.0	5.2%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	117.7	-0.25%	0.8	40,153	107.8	8,353	14.1	49.0%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.7	0.85%	0.8	2,655	29.6	2,402	9.9	48.5%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	24.7	1.65%	1.4	3,180	42.9	3,163	7.8	21.7%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	28.8	-6.96%	0.7	19,548	781.3	1,579	18.2	6.5%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	33.3	0.76%	1.8	133,200	93.1	1,406	23.7	0.8%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	23.0	2.91%	1.3	42,843	179.9	610	37.7	3.5%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	43.4	3.21%	0.7	129,499	147.7	3,824	11.3	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	13.1	1.16%	0.5	22,390	16.1	2,438	5.4	1.3%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	10.9	1.40%	0.8	29,027	45.5	1,513	7.2	19.6%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.1	0.36%	1.2	6,288	46.0	461	30.5	5.1%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	24.1	-0.21%	1.2	6,417	25.4	3,754	6.4	3.2%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.2	0.00%	0.7	10,702	67.4	341	103.2	4.0%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	44.4	-0.34%	0.6	56,882	35.4	3,449	12.9	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	61.0	0.66%	0.9	13,692	76.1	6,073	10.0	20.3%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.3	1.37%	0.4	11,485	23.3	15,010	9.4	83.2%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.0	0.24%	0.9	8,840	60.0	7,388	11.2	48.9%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	82.7	1.35%	1.0	9,460	28.4	5,244	15.8	5.5%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	41.9	-0.36%	0.9	4,963	13.2	3,187	13.1	19.1%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	-1.21%	1.1	6,675	88.3	1,213	10.1	10.7%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.5	-2.86%	1.1	10,488	168.8	2,553	10.0	16.2%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.7	-3.81%	0.8	14,675	398.1	6,084	3.7	3.7%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.7	1.63%	1.3	20,916	17.4	3,130	14.9	2.6%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
2	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
3	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
4	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
5	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
6	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
8	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
9	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
10	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
12	Equity 360 | Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
15	BSC_Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
18	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
20	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
21	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
22	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: **http://www.bsc.com.vn**